

MÙI BÀI THƠ MÙA XUÂN CỦA TRẦN NHÂN TÔNG

Nguyễn Lương Vỵ chuyên dịch thơ Việt

I. LỜI GIỚI THIỆU:

Trần Nhân Tông (chữ Hán: 陳仁宗; 7 tháng 12 năm 1258 – 16 tháng 12 năm 1308,) là vị vua thứ 3 của nhà Trần trong lịch sử Việt Nam. Ông trị vì 15 năm (1278 – 1293) và làm Thái Thượng Hoàng 15 năm.

Trần Nhân Tông được sử sách ca ngợi là một trong những vị vua anh minh nhất trong lịch sử Việt Nam. Ông có vai trò lãnh đạo quan trọng trong Chiến tranh Nguyên Mông-Đại Việt lần 2 và lần 3.

Trần Nhân Tông cũng là người đã thành lập Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, lấy pháp hiệu là Đầu Đà Hoàng Giác Điều Ngự. (*Tham khảo từ trang Web. Wikipedia.org VN.*)

“... Theo sử sách còn ghi được, Trần Nhân Tông là tác giả các tập thơ sau đây: *Trần Nhân Tông Thi Tập, Đại Hương Hải Ấn Thi Tập, Tăng Già Toái Sự, Thạch Thất Mỹ Ngữ*. Tuy vậy, sau bao nhiêu phen dâu bể của chiến tranh, loạn lạc, số tác phẩm trên đều đã mất. Hiện thơ ông chỉ còn giữ được 31 bài, hai cặp câu thơ lẻ, một bài minh và một bài tán, chép trong các tuyển tập. So với nhiều nhà thơ khác thời Lý – Trần, số lượng ấy kể cũng đã không phải là nhỏ.” (Trích từ bài viết của Nguyễn Huệ Chi và Trần Thị Băng Thanh, ngày 27.08.2012, “*Sự thống nhất giữa hoàng đế, thi nhân và thiền gia trong một nhân cách - Trần Nhân Tông*” trên trang tranhantong.net)

II. PHẦN DỊCH THƠ:

10 bài thơ có nội dung mùa Xuân được tuyển dịch dưới đây, trích từ bản PDF của sách *Thơ Văn Lý-Trần*, tập 2, NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1977. Phần dịch nghĩa, ghi chú, có hiệu đính thêm một vài ý chưa rõ nghĩa, hoặc thiếu phần Hán văn.

Mỗi bài thơ được trình bày theo thứ tự:

- . Nguyên văn bài thơ chữ Hán
- . Phiên âm

- . Dịch nghĩa
- . Ghi chú
- . Phỏng dịch thơ Việt

1. 春曉
睡起啟窗扉，
不知春已歸。
一雙白蝴蝶，
拍拍趁花飛。

Phiên Âm:

XUÂN HIỂU

Thụy khởi khái song phi,
Bất tri xuân dĩ quy.
Nhất song bạch hồ điệp,
Phách phách sấn hoa phi.

Dịch Nghĩa:

SỚM XUÂN

Ngủ dậy mở cánh cửa sổ,
Không biết mùa xuân đã về.
Có một đôi bướm trắng,
Vỗ vỗ cánh, bay đến gần với hoa.

Phỏng Dịch Thơ Việt:

SỚM XUÂN

Ngủ dậy, mở cửa trông
Nào hay Xuân mênh mông
Kìa một đôi bướm trắng
Vỗ vỗ cánh vờn bông!

2. 春日謁昭陵

貔虎千門肅，
衣冠七品通。
白頭軍士在，
往往說元豐。

Phiên Âm:

XUÂN NHẬT YẾT CHIÊU LĂNG

Tì hồ thiên môn túc,
Y quan thất phẩm thông.
Bạch đầu quân sĩ tại,
Vãng vãng thuyết Nguyên Phong.

Dịch Nghĩa:

NGÀY XUÂN THĂM CHIÊU LĂNG

Lính thị vệ như cọp, đứng nghiêm túc trước ngàn cửa,
Áo mũ các quan đủ cả bảy phẩm.
Người lính già đầu bạc còn đến ngày nay,
Thường nhắc lại chuyện Nguyên Phong đã qua rồi.

Ghi Chú:

. Chiêu lăng [昭陵]: Lăng vua Trần Thái Tông (chữ Hán: 陳太宗; 10 tháng 7, 1218 – 5 tháng 5, 1277), tên thật là Trần Bồ [陳蒲,] sau đổi thành Trần Cảnh [陳煚,] là vị hoàng đế đầu tiên của nhà Trần trong lịch sử Việt Nam. Ông ở ngôi hơn 32 năm (1225 - 1258), làm Thái thượng hoàng trong 19 năm. Trần Thái Tông là cha của Trần Thánh Tông và là ông nội của Trần Nhân Tông.

. Chuyện Nguyên Phong [元豐]: Trần Thái Tông, nguyên tên thật là Trần Cảnh, là vua thứ nhất của nhà Trần. Ông sinh ngày 17.07.1218, mất ngày 04.05.1277. Ông làm vua 33 năm, nhường ngôi 19 năm, thọ 59 tuổi. Khi lên làm vua năm 1226, Trần Cảnh đổi niên hiệu là Kiến Trung; năm 1232, đổi là Thiên Ứng Chính Bình; năm 1251, lại đổi là Nguyên Phong.

Ngày 17.01.1258, (niên hiệu Nguyên Phong thứ 7) quân Nguyên tràn tới cánh đồng Bình Lệ (phía nam Bạch Hạc, Việt Trì, Phú Thọ). Trần Thái Tông chỉ huy cuộc chiến đấu chống giặc. Đại Việt Sử Ký Toàn Thư tả: "Vua tự làm tướng đốc chiến đi trước, xông pha tên đạn...".

Ngày 29.01.1258, Trần Thái Tông cùng thái tử Hoảng (sau là vua Trần Thánh Tông) đã phá tan quân Nguyên ở Đông Bộ Đầu, chiếm lại Thăng Long, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ nhất. Trần Thái Tông đã đi vào lịch sử như một vị vua anh hùng cứu nước. Chiến công hiển hách của quân dân nhà Trần đánh tan cuộc xâm lược lần thứ nhất của quân Nguyên Mông được sử sách đời đời ghi nhớ như một điểm son chói lọi trong lịch sử chống ngoại xâm đầy oanh liệt của dân tộc ta.

Phỏng Dịch Thơ Việt:

NGÀY XUÂN THĂM CHIÊU LĂNG

Ngàn cửa, uy nghiêm lính
Bảy phẩm, chính tề quan
Sĩ tốt bạc đầu nhắc
Chuyện Nguyên Phong còn vang.

3. 洞天湖上

洞天湖上景，
花草減春容。
上帝憐岑寂，
太清時一鐘。

Phiên Âm:

ĐỘNG THIÊN HỒ THƯỢNG

Động thiên hồ thượng cảnh,
Hoa thảo giảm xuân dung.
Thượng đế liên sâm tịch,
Thái thanh thì nhất chung.

Dịch Nghĩa:

TRÊN HỒ ĐỘNG THIÊN

Quang cảnh hồ Động Thiên,
Hoa cỏ [có vẻ] giảm sút nét xuân tươi.
Trời thương xót nỗi hiu quạnh [nơi này],
Thỉnh thoảng điểm một hồi chuông giữa tầng biếc.

Ghi Chú:

Hồ Động Thiên: Tra cứu các từ điển không tìm thấy. Trong sách Thơ Văn Lý Trần (NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1977,) phần chú thích cũng ghi: “*chưa rõ ở đâu.*”

Phỏng Dịch Thơ Việt:

TRÊN HỒ ĐỘNG THIÊN

Cảnh trên hồ Động Thiên
Dáng xuân gầy hoa cỏ
Trời thương xót niềm riêng
Một hồi chuông xanh tỏ.

4. 春景

楊柳花深鳥語遲，
畫堂簷影暮雲飛。
客來不問人間事，
共倚欄杆看翠微。

Phiên Âm:

XUÂN CẢNH

Dương liễu hoa thâm điệu ngữ trì,
Họa đường thiêm ảnh mộ vân phi.
Khách lai bất vấn nhân gian sự,
Cộng ý lan can khán thúy vi.

Dịch Nghĩa:

CẢNH XUÂN

Trong khóm hoa dương liễu rậm rạp, tiếng chim hát lời chậm rãi,
Dưới bóng hiên nhà trưng bày tranh vẽ, bóng mây chiều lướt bay.
Khách đến chơi không hỏi việc đời,
Cùng đứng tựa lan can ngắm màu xanh biếc trên trời.

Phỏng Dịch Thơ Việt:

CẢNH XUÂN

Chim chậm lời ca, liễu nở đầy
Hiên tràn bóng lộng, mây chiều bay
Khách đến, chuyện đời không hỏi nữa
Cùng tựa lan can ngắm biếc ngày.

5. 春晚

年少何曾了色空，
一春心在百花中。
如今勘破東皇面，
禪板蒲團看墜紅。

Phiên Âm:

XUÂN VÃN

Niên thiếu hà tăng liễu sắc không,
Nhất xuân tâm sự bách hoa trung.

Như kim khám phá đông hoàng điện,
Thiên bản bồ đoàn khán trụ hồng.

Dịch Nghĩa:

CHIỀU XUÂN

Thuở nhỏ chưa từng hiểu thấu lẽ Sắc Không,
Mỗi khi xuân đến vẫn gửi chuyện lòng trong trăm hoa.
Ngày nay đã thấy rõ được bộ mặt chúa Xuân [đông hoàng],
Ngồi trên nệm cỏ giữa tám phản nhà chùa ngắm cánh hoa hồng rơi rụng.

Ghi Chú:

. Đông Hoàng [東皇]: cũng gọi là Đông Quân [東君,] (ông vua của mùa Xuân.) Trong bài thơ Lập Xuân Hậu Thi [立春後詩] của Vương Sơ [王初] có câu: 東君珂佩嚮珊珊 - 青馭多時下九關 (*Đông quân kha bội hưởng san san / Thanh ngự đa thì hạ cửu quan*). Dịch nghĩa: *Chúa Xuân đeo ngọc kêu leng keng / Cưỡi ngựa xanh nhiều lúc đi xuống chín cửa quan*).

. Bồ đoàn [蒲團]: Tám lót để ngồi bằng cỏ bồ, hình tròn. Ngày xưa, các vị sư thường dùng trong lúc ngồi thiền hay lễ bái.

Phỏng Dịch Thơ Việt:

CHIỀU XUÂN

Thuở nhỏ chưa thấu lẽ Sắc Không
Xuân phơi trăm đóa gửi chuyện lòng
Gương mặt chúa Xuân nay đã tỏ
Nệm cỏ ngồi xem rụng cánh hồng.

6. 饋張顯卿春餅
柘枝舞罷試春衫，
況值今朝三月三。
紅玉堆盤春菜餅，
從來風俗舊安南。

Phiên Âm:

QUỶ TRƯỞNG HIÊN KHANH XUÂN BÌNHH

Giá chi vũ bãi, thí xuân sam,
Huống trị kim triều tam nguyệt tam.
Hồng ngọc đôi bàn xuân thái bìnhh,
Tông lai phong tục cựu An Nam.

Dịch Nghĩa:

TẶNG BÁNH NGÀY XUÂN CHO TRƯƠNG HIỂN KHANH

Múa bài múa giá chi xong rồi, [mặc] thử tấm áo ngày xuân,
Huống nữa hôm nay lại gặp tiết [hàn thực] mồng ba tháng ba.
Bánh rau mùa xuân, như ngọc hồng bày biện đầy mâm,
Đó là phong tục của nước An Nam [ta] từ xưa.

Ghi chú:

. Trương Hiến Khanh: Túc Trương Lập Đạo [張立道] sang sứ nước ta hai lần. Lần thứ nhất, vào năm 1265 để “tuyên dụ” chiếu chỉ của vua nhà Nguyên (vua Trần Thái Tông đã làm thơ tiễn trong dịp này.) Lần thứ hai, vào năm 1291 (dưới triều vua Trần Nhân Tông,) nhằm dụ vua nước ta qui phục và buộc vua Trần Nhân Tông phải sang châu Bắc triều nhà Nguyên. Do kết quả ba lần nước ta chiến thắng oanh liệt giặc Nguyên-Mông, do thái độ mềm mỏng nhưng đĩnh đạc, kiên quyết của các vua nhà Trần, Trương Hiến Khanh buộc phải có thái độ kính nể. Trong bài thơ họa đáp với vua Trần, Trương Hiến Khanh đã viết:

安南雖小文章在。
未可輕談井底蛙。

An Nam tuy tiểu văn chương tại

Vị khả khinh đềm tỉnh để oa

(Nước An Nam tuy nhỏ nhưng có văn chương,
Chưa thể nói một cách nông cạn họ là ếch ngồi đáy giếng)

. Giá chi vũ [柘枝舞]: Có thể là một điệu múa cổ của dân tộc Việt Nam.

. Tam nguyệt tam [三月三]: Ngày mồng Ba tháng Ba, thường gọi là tiết Thanh Minh, cũng gọi là Tết hàn thực, là ngày đi tảo mộ sau Tết Âm lịch.

. Thái bính [菜餅]: Bánh rau. Một loại bánh bột làm với rau. Có thể là một loại bánh khúc ở thôn quê miền Bắc ngày xưa.

Phỏng Dịch Thơ Việt:

TẶNG BÁNH NGÀY XUÂN CHO TRƯƠNG HIỂN KHANH

Giá Chi múa xong, thử áo xuân
Lại thêm hàn thực, tiết thanh nhuận
Bánh rau như ngọc hồng ăm ắp
Tục Việt từ xưa đẹp bội phần.

7. 山房漫興其二

是非念逐朝花落，
名利心隨夜雨寒。

花盡雨晴山寂寂，
一聲啼鳥又春殘。

Phiên Âm:

SƠN PHÒNG MẠN HỨNG KỶ NHI
Thị phi niệm trực triêu hoa lạc,
Danh lợi tâm tùy dạ vũ hàn.
Hoa tận vũ tình sơn tịch tịch,
Nhất thanh đề điều hựu xuân tàn.

Dịch Nghĩa:

MẠN HỨNG TẠI SƠN PHÒNG LẦN HAI
Nghĩ chuyện thị phi rơi rụng cùng với hoa buổi sáng,
Lòng [ham] danh lợi lạnh theo trận mưa đêm.
Hoa rụng hết, mưa đã tạnh, núi non im vắng,
Một tiếng chim kêu, [thế rồi] lại cảnh xuân tàn.

Phỏng Dịch Thơ Việt:

MẠN HỨNG TẠI SƠN PHÒNG LẦN HAI
Phải quấy rụng cùng hoa buổi sáng
Lợi danh lạnh theo mưa ban đêm
Mưa tạnh hoa tàn, núi im vắng
Một tiếng chim kêu, xuân ứa thêm.

8. 登寶臺山
地寂臺逾古，
時來春未深。
雲山相遠近，
花徑半晴陰。
萬事水流水，
百年心語心。
倚欄橫玉笛，
明月滿胸襟。

Phiên Âm:

ĐĂNG BẢO ĐÀI SƠN
Địa tịch đài du cổ,
Thời lai xuân vị thâm.

Vân sơn tương viễn cận.
Hoa kính bán tình âm.
Vạn sự thủy lưu thủy,
Bách niên tâm dữ [ngữ] tâm.
Ý lan hoành ngọc địch,
Minh nguyệt mãn hung khâm.

Dịch Nghĩa:

LÊN NÚI BẢO ĐÀI

Đất [nơi đây là nơi] hẻo lánh, [nên] đài [càng] thêm cổ kính,
Theo thời tiết, mùa xuân [nơi đây] về chưa lâu.
Núi mây [nhìn] như xa, như gần,
Ngõ hoa nửa rợp bóng, nửa nắng chiếu.
Muôn việc như nước tuôn [theo] nước,
Trăm năm lòng lại nhủ lòng.
Tựa lan can nâng ngang chiếc sáo quý như ngọc,
Ánh trăng sáng rơi đầy trước ngực.

Ghi Chú:

Bảo Đài sơn [寶臺山]: Núi Bảo Đài. Địa danh này trùng tên rất nhiều nơi, còn có tên khác là Long Đại, thuộc châu Ái; ở Bảo Lộc cũng có; ở xã Động Mạc, huyện Vọng Danh, huyện Đông Triều, Hải Dương cũng có. Núi Bảo Đài trong bài thơ này, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng đây là ngọn núi thuộc dãy núi ở Yên Tử, huyện Đông Triều, nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

Phỏng Dịch Thơ Việt:

LÊN NÚI BẢO ĐÀI

Đất vắng, lâu càng cũ
Xuân mới về chưa lâu
Bóng xa gần mây núi
Ngõ hoa rợp nắng chao
Nước trôi hoài thế sự
Lòng nhủ mãi kiếp nào
Lan can nâng sáo quý
Ngực sáng ánh trăng cao.

9. 早梅其一

五出圓芭金撚鬚，
珊瑚沉影海鱗浮。

箇三冬白枝前面，
些一辨香春上頭。
甘露流芳癡蝶醒，
夜光如水渴禽愁。
姮娥若識花佳處，
桂冷蟾寒只麼休。

Phiên Âm:

TẢO MAI KỲ NHẤT

Ngũ xuất viên ba kim niên tu,
San hô trầm ảnh hải lân phù.
Cá tam đông bạch chi tiên diện,
Tá nhất biện hương xuân thượng đầu.
Cam lộ lưu phương si điệp tỉnh,
Dạ quang như thủy khát cầm sâu.
Hằng Nga nhược thức hoa giai xứ
Quế lãnh thiên hàn chỉ ma hưu!

Dịch Nghĩa:

MAI SÓM LẦN MỘT

Năm cánh hoa tròn thơm, nhụy hoa điểm sắc vàng,
[Như] bóng san hô chìm, [như] vảy cá biển nổi.
Cành hoa trắng xóa suốt ba tháng đông,
Sang đầu xuân, chỉ còn loáng thoáng một vài cánh thơm nhẹ.
Sương ngọt chảy mùi thơm, làm con bướm tỉnh giấc say đắm,
Ánh sáng ban đêm như nước, khiến con chim khát nước buồn bã.
Nếu Hằng Nga biết được dáng vẻ xinh đẹp của hoa mai,
Thì chẳng ưa gì cây quế với cung thiên lạnh lẽo.

Ghi Chú:

. Hằng Nga [姮娥]: Theo sách cổ Hậu Hán Thư [後漢書], trong tích Hậu Nghệ [后羿] có vợ là Hằng Nga [姮娥] còn có tên là Thường Nga [嫦娥] lấy trộm thuốc của chồng rồi bay lên cung trăng, bị đọa thành con cóc (thiên thù.) Từ đó, cung trăng cũng có tên là “cung Thiên.”

. Quế [桂]: Theo sách cổ Dậu Dương Tạp Trử [酉陽雜俎] chép rằng: Trong trăng có cây quế, cao 500 trượng. Vì thế, “quế” cũng là tên gọi của mặt trăng.

Phỏng Dịch Thơ Việt:

MAI SÓM LẦN MỘT

Tròn xoe năm cánh, nhụy vàng phơi
Chìm bóng san hô, vảy cá trời
Đông ba tháng lạnh cành im trắng
Xuân một ngày hanh nhánh ấm ngời
Sương ngọt nức hương lay bướm dậy
Đêm ngời ánh nước khiến chim sâu
Hàng Nga nếu biết hoa mai đẹp
Bóng quế cung thiềm sẽ chán thôi.

10. 早梅 其二

五日驚寒懶出門，
東風先已到孤根。
影橫水面冰初泮，
花壓枝頭暖未分。
翠羽歌沉山店月，
畫龍吹濕玉關雲。
一枝迷入故人夢，
覺後不堪持贈君。

Phiên Âm:

TẢO MAI KỶ NHỊ

Ngũ nhật kinh hàn lãn xuất môn,
Đông phong tiên dĩ đáo cô côn [căn].
Ảnh hoành thủy diện băng sơ bần,
Hoa áp chi đầu noãn vị phân.
Thúy vũ ca trầm sơn điếm nguyệt,
Hoạ long xuy thấp Ngọc Quan vân.
Nhật chi mê nhập cố nhân mộng,
Giác hậu bất kham trì tặng quân.

Dịch Nghĩa:

MAI SỚM LẦN HAI

Năm ngày sợ rét, lười ra khỏi cửa,
Mà gió xuân đã sớm đến với gốc cây cô đơn.
Bóng ngả trên mặt nước, băng giá bắt đầu tan,
Cành hoa trĩu xuống đầu cành, hơi ấm chưa phân định rõ.
Giọng ca chim Thúy vũ lắng chìm [theo] ánh trăng ở quán trọ trong núi.
Tiếng sáo Hoạ long ẩm ướt đám mây Ngọc Quan.

Một cành hoa lạc vào giấc mộng người xưa,
Sau khi tỉnh giấc, không thể đem tặng bạn được.

Chú Thích:

. Thúy vũ [翠羽]: Tức “*thúy vũ ngâm*,” tên một từ khúc nổi tiếng ngày xưa. Cung điệu của khúc ngâm này còn thấy ở bài Trúc Sơn Từ [竹山祠] của Trương Tiệp [張捷]. Lời đề tựa của ông nói: “*Vương Quân Bản trao cho ta một khúc hát theo Việt điệu có tên là Tiểu Hoa Mai Dẫn, bảo ta lấy ý bay lên tiên, bước trong cõi hư không mà làm lời cho khúc hát...*”

. Họa long [畫龍]: Có thể là một loại sáo hay tù và có vẽ hình con rồng. Sách Từ Hải [辭海] dẫn lời của Thẩm Ước [沈筇] và Từ Quảng [徐廣] nói rằng: “*Tù và của người Hồ, chỗ tay cầm, vẽ con giao long có chân năm sắc.*”

. Ngọc Quan [玉關]: Tên một cửa ải trên đường đi sang Tây vực [西域,] thuộc tỉnh Cam Túc [甘肅], nước Tàu. Ở đây, tác giả mượn cảnh để miêu tả tiếng sáo Họa Long làm ẩm ướt đám mây trên cửa ải.

. Hai câu thơ cuối, tác giả lấy ý trong điển tích “*nhất chi xuân*” [一枝春,] rút từ câu thơ của Lục Khải [陸啟] trong bài thơ “*Tặng Phạm Diệp*” [贈范曄]:

折梅逢驛使，
寄與隴頭人。
江南無所有，
聊贈一枝春。

(Phiên âm: *Chiết mai phùng dịch sứ / Ký dữ lũng đầu nhân / Giang Nam hà sở hữu / Liễu tặng nhất chi xuân* – Dịch nghĩa: *Bẻ cành hoa mai, gặp được người đưa thư trạm / Gửi cho người ở Lũng Đầu / Giang Nam chẳng có gì cả / Chỉ tặng bạn một cành xuân*).

Trong bài thơ “*Tảo Mai Kỳ Nhị*” này, tác giả mượn ý trên, nhưng đã chuyển ý vào trong cõi mộng rất độc đáo: *Nhất chi mê nhập cố nhân mộng / Giác hậu bất kham trì tặng quân*. Dịch nghĩa: *Một cành hoa lạc vào giấc mộng người xưa / Sau khi tỉnh giấc, không thể đem tặng bạn được*.

Phỏng Dịch Thơ Việt:

MAI SỚM LẦN HAI

Năm ngày trốn lạnh, biếng rời nhà
Gió xuân vừa ghé gốc cây già
Mặt nước bóng chao, băng sớm rã
Cành hoa cánh trĩu, ẩm chưa ra

Thúy Vũ chim vờn, trăng núi ẩn
Họa Long sáo ướn, Ngọc Quan nhòa
Cảnh hoa lạc mộng người xưa khuất
Tĩnh giác làm sao tặng bạn xa!